

Số: 13 /BC-BCH

Nam Định, ngày 29 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong năm 2018

Thực hiện văn bản số 172/TWPCTT ngày 15/11/2017 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, vv Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai trong năm 2018, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Nam Định xin báo cáo như sau:

I. Tình hình thiên tai tại địa phương:

1. Tình hình thiên tai:

Năm 2017 tỉnh Nam Định chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai: Bão, ATNĐ, lũ, mưa lớn xảy ra ở hầu hết các địa phương gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt, sản xuất của nhân dân, cụ thể như sau:

- Tháng 7 năm 2017, do ảnh hưởng của bão số 2, số 4 kết hợp với xả lũ hồ Hòa Bình gây mưa lớn trên diện rộng, lũ trên các triền sông đạt xấp xỉ báo động III; Nhiều sự cố đê điều ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn của các tuyến đê. Tổng lượng mưa trong 15 ngày từ ngày 11/7-26/7/2017 bình quân toàn tỉnh là 332mm diễn ra ngay thời kỳ lúa vừa mới cấy làm cho 23.039ha lúa bị ngập úng. Mặc dù tất cả các hệ thống thủy nông của tỉnh đồng loạt triển khai tiêu rút nước và chống úng tích cực nhưng sau bão diện tích phải gieo cấy lại là 7.367ha và 9.793ha lúa phải dặm tía lại.

- Tiếp đó Bão số 10 đổ bộ đúng vào ngày triều cường có cao độ, biên độ lớn nhất trong năm và có mực nước dâng trong bão lớn nhất từ trước đến nay ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống đê điều các huyện ven biển từ sáng ngày 15/9/2017, gió mới cấp 6-7, giật cấp 9-10 nhưng sóng đã tràn qua đê cao từ 3-4m (trong đó đê Cồn Tròn và Hải Thịnh II, Hải Thịnh III sạt lở nghiêm trọng mái đê phía đồng tuyến đê biển); mặt khác lũ trên triền sông Hồng từ cửa Mom Rô ra biển, sông Ninh Cơ, kênh Quản Liêu đều trên báo động 3 lần đầu xuất hiện từ sau bão số 7 năm 2005 trở lại đây. Bão đã gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản và hệ thống đê, kè, cống của tỉnh; đặc biệt đã ngập sâu khu vực bãi tắm Thịnh Long, Quất Lâm từ 1-2m. Lượng mưa từ 13-16/9 là 121mm, mưa lớn tập trung vào ngày 15/9 làm cho 5.252 ha lúa và 990 ha cây rau màu bị ảnh hưởng.

- Áp thấp nhiệt đới có gió cấp 7-8, giật cấp 9 ngày 10-11/10 làm sóng tràn qua đê biển Hải Hậu. Lượng mưa từ ngày 02-15/10 là 505mm, lượng mưa lớn tập trung trong các ngày từ 07-13/10 là 384mm đã làm cho 42.339 ha lúa trong thời kỳ thu hoạch bị ngập úng, trong đó 9.571 ha bị ngập trắng. Mực nước lũ cao nhất từ ngày 10/10 đến

ngày 13/10/2017 trên các triền sông Hồng, sông Đào, sông Ninh và sông Đáy đều vượt BĐIII từ 25-96cm (tại Cỏ Đam Ý Yên vượt BĐ III 96cm):

+ Sông Đáy (Ý Yên): tại Cỏ Đam 4,56 >BĐIII: 96 cm; tại Quỹ Độ: 4,85>BĐIII 0,7m; Vĩnh Trị 3,90, >BĐIII 0,5m; tại Tam Tòa Nghĩa Hưng 3,10 (>BĐIII: 50cm).

+ Sông Đào tại Cốc Thành<BĐIII: 7cm; cống Chanh là 3,55 (>BĐIII là 0,25m).

+ Sông Hồng: tại Cỏ lễ: 3,6 (>BĐIII: 10cm); tại Hạ Miêu: 3,22 (>BĐIII: 42cm); tại Ngõ Đồng: 2,62 (>BĐIII: 42cm).

+ Sông Ninh Cơ: tại Mỏ Cò: 3,2 >BĐIII: 70cm; cống Múc: 2,80 >BĐIII: 30cm.

Do ảnh hưởng của triều cường nước rươi trong tháng 10 tháng 11 đã làm sạt lở nghiêm trọng hệ thống kè biển Hải Hậu.

- Tình hình mưa úng: Tình hình mưa trên địa bàn tỉnh Nam Định từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017 lượng mưa bình quân toàn tỉnh là: 1.946 mm. Các tháng 1,2,3,4,5,6 lượng mưa rất thấp, chủ yếu tập trung vào từ tháng 7 trở đi, đặc biệt tháng 10 lượng mưa bình quân cao nhất 505mm.

BQ Tháng 1	BQ Tháng 2	BQ Tháng 3	BQ Tháng 4	BQ Tháng 5	BQ Tháng 6	BQ Tháng 7	BQ Tháng 8	BQ Tháng 9	BQ Tháng 10	BQ toàn tỉnh
33,2	1,9	94,1	87,9	103,6	141,3	362,9	296,3	319,4	505,2	1.946

2. Thiệt hại do thiên tai gây ra:

2.1. Thiệt hại về đê điều:

Năm 2017, hệ thống đê điều Nam Định ngoài việc chịu hậu quả cơn bão số 1 năm 2016 để lại; ATNĐ, bão, lũ và mưa lớn bất thường đã gây thiệt hại nặng nề cho công trình đê điều do ảnh hưởng thiên tai năm 2017 cụ thể:

1) **Tháng 1 năm 2017:** Tại huyện Hải Hậu: Triều cường nước lớn đã làm sạt sập kè bảo vệ bãi khu vực bãi biển Nhà thờ đổ xã Hải Lý, 150m² kè Cồn Tròn, 200m² kè Hải Thịnh 2, Hải Thịnh 3;

2) **Tháng 7/ 2017:** Tại huyện Vụ Bản: Hoàn lưu cơn bão số 2 (18/7) mưa to và kéo dài đã sạt mái đê phía sông đoạn K14+650 đến K14+870 dài 220m đê Hữu Đào xã Đại Thắng;

3) Bão số 10 ngày 15/9/2017:

- Tại huyện Nghĩa Hưng: Tuyến đê Hữu Ninh từ K26+680 – K40 bão số 10 đã làm 7 đoạn dài 9,3 km mực nước chỉ cách mặt đê khoảng 20cm xấp xỉ tràn qua đê. Các đoạn còn lại mực nước cách mặt đê từ 40-60cm.

- Tại huyện Hải Hậu: Sạt, sập hư hỏng 700m² mái phía ngoài đê biển, 5 mỏ kè Hải Thịnh II, kè du lịch Thịnh Long, 2.730m mái phía đồng tại Cồn Tròn xã Hải Hòa, Hải Thịnh 2, Hải Thịnh 3 thị trấn Thịnh Long. Đê Tả Ninh Cơ xã Hải Ninh: Sạt 400m, có 20m tới mặt đê.

- Tại huyện Giao Thủy: Sạt trượt 900m mái phía ngoài đê xã Giao Thiện, Giao Hương; hai bên cống Thanh Niên; đê Ang Giao Phong, kè bãi tắm Quất Lâm bị sập nặng nề.

- Huyện Xuân Trường: 5 bồi trên sông Hồng bị tràn.
- Huyện Trực Ninh: Đê bồi Phương Định bị tràn 400m; Kè Phụng Tường: sạt 187m. Kè Trục Thanh sạt bãi đầu kè 200m và bãi cuối kè sạt 150m
- Huyện Nam Trực: Sạt bãi bồi xí nghiệp gạch đê tả Đào
- Huyện Ý Yên: đê tả Đáy thuộc xã Yên Bằng, chân đê phía đồng bị sạt lở sâu $h = (1 \div 1,5)m$, chiều dài đoạn sạt 250m.

4) Áp thấp nhiệt đới và lũ tháng 10/2017:

- *Huyện Ý Yên:*
 - + Vỡ tràn bờ bao Yên Bằng dài 20m, làm ngập lụt 200 hộ dân, hoa màu, ao cá.
 - + Tràn và vỡ bờ bao xã Yên Phúc 20 hộ bị ngập, Yên Khang 20 hộ bị ngập.
 - + Chống tràn bồi Yên Trị dài 1500m, chiều cao chống tràn 60÷70cm;
 - + Tại K150+200 Yên Bằng xuất hiện đùn sủi trên ao phía đồng.
 - + Xử lý lỗ rò, thâm lậu tại 6 xã: Yên Phương, Yên Hưng, Yên Phong, Yên Quang, Yên Bằng, Yên Khang; ở bồi Yên Trị, Yên Phúc.
 - + Xử lý sạt trượt mái đê bồi Yên Phúc dài 20m; Yên Trị dài 25m.
- *Huyện Vụ Bản:* Sạt lở mái đê phía sông 2 đoạn dài 290m (xã Đại Thắng)
- *Huyện Nghĩa Hưng:*
 - + Đê biển Thanh Hương (xã Nghĩa Bình, Nghĩa Thắng) sạt 5 đoạn phía đồng đến sát đỉnh và vai đê dài 325m.
 - + Tuyến đê Tả Đáy: Bị sạt tới mặt đê phía sông đoạn K200+280-K200+960 (xã Nghĩa Hưng), đoạn từ K191+500-K193+500 dài 2km (xã Nghĩa Hồng) xuất hiện nhiều lỗ rò qua đê đường kính từ 2-3cm.
 - + Bồi Nam Quan Liêu xã Nghĩa Sơn bị tràn 03 đoạn, chiều dài 100m
 - + Tuyến đê biển tại K15+400 xuất hiện 2 hồ sạt phía đồng cách nhau 3m, kích thước mỗi hồ khoảng (5x2)m sâu (0,8– 1)m.
- *Huyện Xuân Trường:*
 - + Đoạn tường kè khu vực thị trấn Xuân Trường tại K6+700-K7+00 và K7+625-K7+825 bị thấm qua tường kè; 2 cửa khẩu tại K6+925, K7+675 bị tràn.
 - + Đê Hữu Hồng (xã Xuân Châu) bị thấm ở chân đê tại K195+500-K196+500.
- *Huyện Trực Ninh:*
 - + Bồi Phương Định bị tràn 2000m, bồi Trục Chính bị tràn 100m.
 - + Tại K27+900-K27+950 đê Tả Ninh bị thâm lậu mái đê phía đồng.
- *Huyện Hải Hậu:*
 - + Tại kè Hải Thịnh II, III: các hồ sạt cũ phát triển mở rộng và sâu thêm.
 - + Tại kè bãi tắm Thịnh Long, các mỏ kè số 1,2,3,4 và 5 tiếp tục bị sóng đánh sạt cấu kiện tại một số vị trí cánh mỏ và thân mỏ.
 - + Tuyến đê Hữu sông Sò bị sạt lở mái phía đồng đoạn K9+500-K9+540 dài 40m xã Hải Phúc, chiều sâu hồ sạt từ 1-1,2m.

- Huyện Giao Thủy

+ Kè bãi tắm Quất Lâm bị sập khoảng 295m, rộng trung bình 6m sâu từ 0,8 đến 1,0m; Cống tiêu đầu đường trục 2 bị sập hoàn toàn; Đoạn đường trục ven biển và tường chắn sóng có 3 đoạn bị phá hỏng hoàn toàn dài 143m, rộng 7,2 m sâu bình quân 1,5m. Đoạn đường trục N2 bị hư hỏng khoảng 60m, rộng 5m sâu bình quân 1,5m làm nghiêng 1 ki-ốt; Vía hè đường bê tông mép biển bị bong, lột hoàn toàn dài 285m, rộng 6 m sâu 0,3-0,5m.

5) Nước rươi, triều cường trong tháng 11 tiếp tục làm sạt lở kè Cồn Tròn xã Hải Hòa và kè Đình Mũi xã Hải Triều, kè mỏ Hải Thịnh 2 tổng diện tích phải xử lý trên 800m²

2.2. Tổng thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tỉnh Nam Định năm 2017 là trên 1.969 triệu đồng, gồm các thiệt hại chính như sau:

+ Về người: 11 người bị thương và 01 ngư dân ở Kiên Giang bị mất tích ở vùng biển Hải Hậu.

+ Về nhà ở: Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%): 34 nhà; hư hỏng ($\leq 70\%$): 47 nhà, kinh phí thiệt hại 2.688 triệu đồng.

+ Về nông, lâm nghiệp: 18.764 ha lúa bị mất trắng (trên 70%); 32.913 ha lúa bị ảnh hưởng ($\leq 70\%$), kinh phí thiệt hại 772.947 triệu đồng.

+ Về chăn nuôi: 4.154 con gia súc, gia cầm bị chết, thiệt hại 1.331 triệu đồng.

+ Về thủy lợi: đê cấp III đến cấp I bị sạt, nứt vỡ 6.494m, đê cấp IV 14.999m, kè sạt lở 3.637m, kinh phí thiệt hại 201,7 triệu đồng.

+ Về giao thông: Sạt lở, hư hỏng 700m, kinh phí thiệt hại 650 triệu đồng.

+ Về thủy sản: Diện tích nuôi ao hồ bị thiệt hại 10.591 ha, 310 phương tiện khai thác bị hư hỏng, kinh phí 800,964 triệu đồng.

+ Về công nghiệp: 35 cột điện bị gãy, đổ, kinh phí 188 triệu đồng.

+ Kinh phí các loại thiệt hại khác: 189,179 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo phụ lục 1, phụ lục 2)

Chi tiết thiệt hại do từng đợt cụ thể như sau:

2.2.1. Thiệt hại do ảnh hưởng bão số 2, bão số 4: Tổng giá trị thiệt hại khoảng 174,5 tỷ đồng, trong đó:

- Đối với sản xuất nông nghiệp: 23.039 ha diện tích lúa mới gieo cấy bị ngập úng, trong đó phải gieo cấy lại là 7.367 ha, diện tích dậm lại là 9.793 ha; giá trị thiệt hại khoảng 24,5 tỷ đồng;

- Kinh phí bơm tiêu chống úng: 18 tỷ đồng;

- Kinh phí thiệt hại về đê điều: 132 tỷ đồng

2.2.2. Thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 10: Tổng giá trị thiệt hại khoảng 795,26 tỷ đồng, trong đó:

- Về người: 11 người bị thương, hỗ trợ, chăm sóc y tế 250 triệu đồng;

- Về nhà: 166 nhà các loại, giá trị thiệt hại 8.803 triệu đồng;

- Về Nông, lâm, diêm nghiệp: 6.247,8 ha lúa và hoa màu bị ảnh hưởng, giá trị thiệt hại 98.797,6 triệu đồng;
- Về chăn nuôi: 1.150 con gia súc, gia cầm và 5 chuồng trại chăn nuôi, giá trị thiệt hại 653 triệu đồng;
- Về Thủy lợi, đê kè: Giá trị thiệt hại 48.229,5 triệu đồng;
- Về giao thông: vỉa hè 2 bên đường thị trấn Thịnh Long bị sập 700m, giá trị thiệt hại 500 triệu đồng;
- Về thủy sản: tổng giá trị thiệt hại 608.169,4 triệu đồng;
- Về ngành điện: Giá trị thiệt hại 1.287,5 triệu đồng;
- Thiệt hại khác: Các đồ dùng, vật dụng khu du lịch Thịnh Long, Quất lâm bị ngập nước, sóng cuốn trôi, kè, đường, cống bị sập giá trị thiệt hại 28.500 triệu đồng.

2.2.3. *Thiệt hại do ảnh hưởng ATNĐ, mưa lũ và bão số 11: Tổng giá trị thiệt hại khoảng 1.027,1 tỷ đồng, trong đó:*

- Về nhà ở: Giá trị thiệt hại khoảng 3.996 triệu đồng;
- Về Nông, lâm, diêm nghiệp: 29.265 ha lúa và 3.377 ha hoa màu bị thiệt hại, giá trị thiệt hại 701.564 triệu đồng;
- Về chăn nuôi: 434 con gia súc, 2.570 gia cầm bị chết, giá trị thiệt hại 778 triệu đồng;
- Về Thủy lợi, đê kè: Giá trị thiệt hại 93.190 triệu đồng;
- Về giao thông: Giá trị thiệt hại 150 triệu đồng;
- Về thủy sản: 4.034 ha nuôi cá truyền thống, 797 ha cá da trơn, 531ha nuôi tôm thâm canh, quảng canh, 252ha nuôi ngao, 150 phương tiện khai thác thủy hải sản, tổng giá trị thiệt hại 227.145 triệu đồng;
- Về ngành điện: Giá trị thiệt hại 235 triệu đồng;

II. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống thiên tai năm 2017

Năm 2017 tỉnh Nam Định chịu ảnh hưởng của bão số 2, số 4, số 10, áp thấp nhiệt đới và mưa lũ, song với tinh thần tích cực chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, các cấp, các ngành đặc biệt coi trọng, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn đề điều, tính mạng, tài sản của nhân dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

1. Kết quả đạt được trong công tác phòng, chống thiên tai

1.1. Về công tác kiện toàn, tổ chức vận hành Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực PCTT-TKCN các cấp:

a) Về công tác kiện toàn:

Nam Định đã kiện toàn, thành lập 100% Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp từ tỉnh đến huyện, xã; các sở ngành.

- Cấp tỉnh: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh gồm 34 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban;

- + Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai – TKCN Tại Sở Nông nghiệp và PTNT do Chi cục Thủy lợi kiêm nhiệm, tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, do phòng tham mưu kiêm nhiệm.

- Cấp huyện: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm trưởng ban; Văn phòng thường trực đặt tại phòng NN & PTNT, phòng kinh tế thành phố.

- Cấp xã: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm trưởng ban, trụ sở tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Về tổ chức vận hành:

- Các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở quán triệt và triển khai nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; đặc biệt chỉ đạo linh hoạt, quyết liệt công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai; Khi thiên tai xảy ra đã tập trung kiểm tra, chỉ đạo đôn đốc các địa phương khắc phục nhanh hậu quả, sớm khôi phục, phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân.

- Tập trung tu bổ, nâng cấp các công trình đê điều, thủy lợi, nhất là công trình trên tuyến đê biển; sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng góp phần tăng cường khả năng phòng chống thiên tai và bảo vệ sản xuất.

- Phối hợp chặt chẽ có hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai công tác diễn tập, quản lý công trình, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai; nghiêm túc triển khai công tác xây dựng, thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn các công trình đê điều, thủy lợi, đặc biệt trong công tác tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân.

c) Khó khăn, tồn tại:

- Bộ máy tổ chức hoạt động về phòng, chống thiên tai đã được thành lập từ tỉnh đến xã, song bộ máy chưa đồng bộ, chuyên nghiệp cán bộ phụ trách chủ yếu là kiêm nhiệm và bố trí phân tán ở nhiều cơ quan cũng như việc đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai chưa được quan tâm. Hầu hết cán bộ cấp xã chưa được đào tạo nên việc triển khai hoạt động ở cơ sở còn hạn chế.

- Lực lượng nòng cốt tham mưu chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp, còn lúng túng trong tham mưu chỉ đạo, chỉ huy xử lý các tình huống thiên tai khẩn cấp. Lãnh đạo, chỉ huy công tác phòng, chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn cấp cơ sở còn hạn chế, một số chưa có kinh nghiệm; cán bộ kỹ thuật chuyên ngành thủy lợi của một số huyện còn hạn chế cả về số lượng và chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác phòng, chống thiên tai.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa thật đầy đủ, vẫn còn tư tưởng chủ quan, nhất là trong việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, hạ biển quảng cáo,... sơ tán khi có bão lũ.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể trong cộng đồng dân cư như Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ,... trong công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng dân cư.

1.2. Về nâng cao năng lực, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ, xây dựng công cụ hỗ trợ tại Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp:

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã trang bị và lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đã hoàn thiện, bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Văn bản chỉ đạo và các hoạt động chính trong công tác phòng, chống thiên tai của Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh:

2.1. Trước mùa lũ, bão:

- Đề chủ động phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: Số 350/QĐ-UBND, số 351/QĐ-UBND ngày 21/02/2017, thành lập và phân công phụ trách địa bàn, lĩnh vực để chỉ đạo phòng chống thiên tai và TKCN năm 2017; Ngày 28/3/2017 UBND tỉnh đã tổng kết và triển khai công tác PCTT&TKCN năm 2017. Đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 31/3/2017 về tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống thiên tai, TKCN năm 2017 và tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 25/6/2014, về việc tăng cường xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra công tác chuẩn bị phòng chống thiên tai; chỉ đạo các địa phương, các ngành liên quan tu bổ, sửa chữa những công trình đê, kè, cống xung yếu, tổng kiểm tra đê điều trước mùa lũ, triển khai diễn tập và thực hành phương án hộ đê; phương án phòng chống lụt bão trên địa bàn. UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, thực hiện thanh, kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các ngành, các cấp, các địa phương năm 2017.

- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh kiểm tra, rà soát và đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ, bão; lập và báo cáo phương án bảo vệ trọng điểm, phương án hộ đê toàn tuyến năm 2017 với Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai.

- Tu bổ, nâng cấp các công trình phục vụ phòng chống thiên tai:

+ Công trình đê điều: Thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2017 với tổng số 15 hạng mục công trình được tu sửa và nâng cấp trên tất cả các tuyến đê sông thuộc các huyện, thành phố Nam Định; mua sắm bổ sung vật tư dự trữ gồm 3.500m³ đá hộc, 10.000m² vải lọc và 1.000 rọ thép.

+ Công trình thủy lợi: Các huyện, thành phố Nam Định và các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL đồng loạt ra quân làm thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất và phòng chống lụt bão; sửa chữa 30 cống, làm mới 77 cống dưới đê; sửa chữa 120 cống, làm mới 1.251 cống điều tiết cấp II; sửa chữa 935 cống đập cấp III; kiên cố 124 kênh với tổng chiều dài 55.536m; nạo vét 46 cửa cống, 58 bể hút các trạm bơm, 22 kênh cấp I, 197 kênh cấp II, 7.311 kênh cấp III, 4.382 kênh khoanh và bờ vùng. Tổng khối lượng đào đắp 2,065 triệu m³ đất, đạt 105,64%KH.

2.2. Trong mùa lũ bão:

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đã ban hành 20 Công điện ứng phó bão, ATNĐ, xả lũ các hồ thủy điện và nhiều văn bản về tăng cường thông tin truyền thông phục vụ phòng chống thiên tai, tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro

thiên tai liên quan đến nước cho trẻ em trong mùa mưa lũ và ứng phó với gió mạnh trên biển, chỉ đạo các địa phương, các Sở, ban, ngành, các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ và tập trung ứng phó thiên tai

2.3. Các hoạt động chính trong công tác phòng chống thiên tai:

- Các hoạt động phòng ngừa thiên tai:
 - + Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai.
 - + Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.
 - + Xây dựng chính sách trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai.
 - + Xây dựng và quản lý công trình phòng, chống thiên tai.
 - + Tổ chức, tham gia thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai đối với các cấp, các ngành và cộng đồng.
- Chuẩn bị ứng phó thiên tai:
 - + Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể;
 - + Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai;
 - + Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; tổ chức dự báo, cảnh báo thiên tai;
 - + Tổ chức và tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.
- Hoạt động ứng phó với thiên tai
- Hoạt động khắc phục hậu quả sau thiên tai.

3. Tình hình triển khai Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn:

3.1. Thành lập, thu và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai:

Sau 3 năm thực hiện, Quỹ phòng, chống thiên tai đã được các địa phương trong tỉnh thu được là 24.841.552.000 đồng và nộp về tài khoản Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh là 14.138.950.000 đồng.

3.2. Xây dựng, rà soát và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai:

- Nhìn chung các cấp địa phương hàng năm đều xây dựng, rà soát và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai cũng như phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và chú trọng đến vấn đề biến đổi khí hậu.
- Đồng thời, thành lập các đội ứng phó thiên tai cộng đồng, cung cấp trang thiết bị để kịp thời cứu hộ cứu nạn, chằng chống nhà cửa, hướng dẫn người dân xử lý tình huống khi có thiên tai, dọn dẹp cây xanh, công trình gãy đổ, hỏng hóc...

4. Tình hình thực hiện công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương theo phương châm 4 tại chỗ:

Tình hình thực hiện công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương theo phương châm 4 tại chỗ được các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị-xã hội,...tỉnh Nam Định lập kế hoạch, phương án cụ thể và chi tiết đối với các loại hình thiên tai để chủ động, ứng phó và khắc phục hậu quả khi thiên tai được kịp thời ngay từ khi trước mùa lũ, bão hàng năm.

Do đó, năm 2017 Nam Định bị ảnh hưởng bất thường của thiên tai, hệ thống đê điều bị thiệt hại nghiêm trọng. Qua việc triển khai ứng phó các cơn bão số 2, số 4, số 10, áp thấp nhiệt đới, mưa lũ và bão số 11 tại tỉnh Nam Định thực hiện trên cơ sở các phương án phòng chống thiên tai, phương án trọng điểm và phương án hộ đê toàn tuyến của tỉnh đã xây dựng theo phương châm 4 tại chỗ; tuy nhiên tại một số địa phương việc chuẩn bị còn chưa đầy đủ theo phương án đề ra; việc đánh giá trọng điểm còn chưa nhận thức hết hiểm họa của thiên tai đối với đê điều tại địa phương; Năm 2017 nhiều sự cố đê điều không phải là trọng điểm đã xác định và chuẩn bị phương án.

5. Kết quả thực hiện truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai

Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai ngày càng được nâng lên:

- Thời lượng đưa tin, thông báo diễn biến của thiên tai được tăng cường để địa phương và nhân dân biết, chủ động phòng tránh.

- Thông qua các dự án, tăng cường lồng ghép ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cấp thôn, xã; nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho nhiều xã ven biển, tập huấn kiến thức về phòng, chống thiên tai và ứng phó BĐKH tại các trường học, phổ biến những mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH... Mục tiêu lớn nhất là nâng cao nhận thức và giúp người dân giảm thiểu tối đa thiệt hại, thích ứng với những thay đổi môi trường do BĐKH gây ra.

- Việc xây dựng các phương án giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đang từng bước cho thấy hiệu quả. Đến nay đã có 30 xã thuộc 3 huyện vùng ven biển xây dựng bản đồ phòng, chống thiên tai. Bản đồ cung cấp thông tin về tác động của thiên tai đối với từng khu vực cụ thể của địa phương, tập trung vào tình huống bão mạnh kèm theo mưa lớn gây ngập úng trên diện rộng. Đây là loại hình thiên tai phổ biến đối với một tỉnh ven biển như Nam Định, làm thiệt hại nặng nề cả về sản xuất, công trình, nhà cửa.

6. Tổ chức tập huấn, diễn tập phương án ứng phó với thiên tai:

- Văn phòng Ban chỉ huy PCTT & TKCN tổ chức tập huấn, hướng dẫn nắm bắt thông tin, tổng hợp báo cáo tình hình thiên tai. Thực hiện chế độ trực ban theo đúng quy định; theo dõi chặt chẽ diễn biến của lũ, bão, thiên tai, diễn biến công trình đê điều, tổng hợp tình hình triển khai của các ngành, địa phương; tham mưu kịp thời cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống và khắc phục nhanh hậu quả của thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Kịp thời tham mưu đề xuất biện pháp xử lý giờ đầu theo phương châm 4 tại chỗ: Sạt lở kè Hải Thịnh 2, Hải Thịnh 3, kè khu du lịch thị trấn Thịnh Long, đê kè Cồn

Tròn, đê kè Đình Mùi, Kiên Chính, xử lý chống tràn bồi Đồng Gò (huyện Hải Hậu); xử lý chống tràn đê bồi Yên Trị, Yên Phúc (huyện Ý Yên); bồi Phương Định, bồi Trực Chính (huyện Trực Ninh); kè bãi tắm thị trấn Quất Lâm, cống Thanh Niên, sạt lở mái phía đông Ang Giao Phong, sạt lở đê xã Giao Hương, Giao Thiện (huyện Giao Thủy),... đảm bảo an toàn đê điều năm 2017 trên toàn địa bàn tỉnh.

- Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh năm 2017 diễn ra tại huyện Nghĩa Hưng.

- Các địa phương trên toàn tỉnh, đặc biệt là cấp huyện nghiêm túc triển khai công tác diễn tập phòng chống thiên tai đều đặn hằng năm, bổ sung xây dựng kế hoạch cho sát với tình hình địa phương.

- Các buổi diễn tập đã giúp các thành viên Ban Chỉ huy địa phương thuần thục hơn trong công tác chỉ đạo, triển khai phương châm “4 tại chỗ”. Người dân đã có kỹ năng cần thiết, đảm bảo sẵn sàng ứng phó khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn.

7. Bài học kinh nghiệm trong ứng phó với các trận thiên tai lớn:

Với việc chuẩn bị các phương án phòng chống thiên tai, phương án trọng điểm và phương án hộ đê toàn tuyến ngay từ trước mùa lũ, bão hàng năm. Qua việc triển khai ứng phó các cơn bão số 2, số 4, số 10, áp thấp nhiệt đới, mưa lũ và bão số 11 tại tỉnh Nam Định rút ra bài học kinh nghiệm:

- Công tác dự báo cần phải kịp thời, chính xác, cụ thể và thông tin sâu rộng đến các cơ quan chức năng và người dân để chủ động trong chỉ đạo điều hành và ứng phó phù hợp. Tuy nhiên, trong cơn bão số 10 vừa qua, mực nước dâng ảnh hưởng của bão lớn nhất từ trước đến nay, nhưng không được dự báo trước nên đã gây bất ngờ, bị động trong triển khai công tác ứng phó cho người dân và các cấp chính quyền.

- Công tác xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với bão, tổ chức diễn tập phải rất cụ thể, phải chuẩn bị vật tư, phương tiện đầy đủ; đồng thời công tác chỉ đạo, chỉ huy, kiểm tra, giám sát phải quyết liệt, kịp thời, không chủ quan.

- Thực hiện tốt việc sơ tán dân và có phương án cụ thể đối với từng hộ, từng cụm, từng khu vực; xác định được số lượng người, thời điểm cần phải sơ tán, gắn với trách nhiệm của chính quyền cơ sở; tổ chức tốt công tác phối hợp hiệp đồng giữa các lực lượng khi có bão lũ xảy ra.

- Phương châm “4 tại chỗ” được triển khai thực hiện đồng bộ trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

- Trong qua trình phòng chống bão số 10 nhiều địa phương chưa nắm bắt kịp thời thông tin chỉ đạo của tỉnh, một số nơi chính quyền cấp xã, thậm chí cả cấp huyện còn chủ quan trong công tác triển khai ứng phó.

- Các địa phương đã xây dựng phương án ứng phó với bão và các cấp độ rủi ro thiên tai, song bão số 10 vừa qua cho thấy các phương án ứng phó còn nhiều bất cập không phù hợp với thực tế dẫn đến còn thiệt hại do bão gây ra.

III. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm triển khai công tác phòng, chống thiên tai năm 2018

Theo Luật Phòng chống thiên tai năm 2013, có 21 loại hình thiên tai khác nhau gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần, sương mù, gió mạnh trên biển và các loại thiên tai khác. Trong đó, tỉnh Nam Định cần tập trung cao ứng phó với: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và hạn hán, xâm nhập mặn.

Các cấp, các ngành, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực ứng phó thiên tai được quy định tại Điều 27, Điều 28 Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Mục 2 Chương II Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.

Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 gồm:

1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về tình hình thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu; kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại. Đồng thời xác định phòng, chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại thiên tai là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh, chống tư tưởng chủ quan. Lồng ghép nhiệm vụ phòng, tránh thiên tai vào các đề án, dự án và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương.

2. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai năm 2018. Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành trong tỉnh; tăng cường trách nhiệm, vai trò quản lý nhà nước của các ngành, các địa phương trong thực hiện phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai. Tiến hành tổng kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình đê điều, thủy lợi trước mùa bão, lũ; tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2017, xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai năm 2018 đảm bảo sát thực, hiệu quả theo phương châm “4 tại chỗ”, xong trước ngày 20/4/2018. Tổ chức thực hiện nghiêm túc phương án phòng, chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn. Xác định các trọng điểm xung yếu, xây dựng phương án đảm bảo công trình an toàn trong mùa lũ bão; xây dựng phương án hộ đê toàn tuyến và phương án bảo vệ trọng điểm, phương án phòng chống lũ đối với vùng bồi, phương án phòng chống úng theo quy định. Chủ động phương án khắc phục hậu quả thiên tai; phương án cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân ở những vùng đê điều xung yếu, các bồi và vùng cửa sông, ven biển... khi bão, lũ xảy ra.

3. Tập trung xây dựng và hoàn thiện phương án phòng chống và khắc phục hậu quả ứng với các kịch bản thiên tai trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các huyện ven biển trong các phương án phòng chống bão mạnh, phòng chống siêu bão, phòng chống úng lụt vượt tần suất. Các ngành có liên quan trong phòng chống ứng phó rủi ro thiên tai như Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Quân sự, Công an, Y tế, Giáo dục,... xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống cơ bản về sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014,

Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ, của từng ngành, phù hợp với địa phương và chỉ đạo của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

4. Thường xuyên kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời dứt điểm các vi phạm pháp luật về đê điều, pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nhất là việc xử lý các công trình xây dựng trái phép, sai phép trong hành lang bảo vệ đê điều và hành lang thoát lũ, lấn chiếm lòng kênh mương thoát nước. Tiếp tục xây dựng kế hoạch để xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm còn tồn tại theo Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngăn chặn không để phát sinh vi phạm mới hoặc tái vi phạm; Có biện pháp ngăn cấm, xử phạt các xe quá tải trọng cho phép đi trên đê, kể cả những đoạn đê chưa được củng cố, nâng cấp.

5. Thực hiện tốt kế hoạch trồng và bảo vệ rừng phòng hộ; cây chắn sóng bảo vệ bãi và bảo vệ các tuyến đê sông, đê biển.

6. Tổng kết, đánh giá, chấn chỉnh hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân, đưa hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân vào nề nếp, hiệu quả. Thực hiện thí điểm việc xây dựng một số tuyến đê kiểu mẫu.

7. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ trực ban trong mùa bão, lũ; tuần tra, canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố, hư hỏng về đê, kè, cống ngay từ giờ đầu. Củng cố hệ thống thông tin; tăng cường chất lượng dự báo, cảnh báo để chủ động phòng chống lụt bão giảm nhẹ thiên tai. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

8. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai bao gồm các nội dung chính:

- Bảo vệ công trình phòng chống thiên tai và công trình trọng điểm;
- Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm.

IV. Đề xuất kiến nghị:

Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình bị hư hỏng đảm bảo cho công trình phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai năm 2018, cụ thể là:

1. Tiếp tục đầu tư kinh phí để đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình nâng cấp đê biển, tiếp tục thực hiện các dự án nâng cấp đê sông theo chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đầu tư xây dựng các tuyến đường cứu hộ phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; hoàn thành khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa sông Ninh Cơ huyện Nghĩa Hưng, cửa Hà Lạn (sông Sò) huyện Giao Thủy và Hải Hậu. Ưu tiên đầu tư nâng cấp những công trình đê điều xung yếu chưa đảm bảo chỉ tiêu thiết kế như 17km đê hữu Ninh Cơ cạnh Tỉnh lộ 490C (cầu Quần Liêu - phà Thịnh Long) thuộc huyện Nghĩa Hưng; Các đoạn đê kè xung yếu.

Đầu tư kinh phí để xử lý cấp bách sự cố đê điều do bão lũ gây ra, kinh phí: 1.395 tỷ đồng gồm:

1.1 Đê biển : Kinh phí 298,5 tỷ đồng, trong đó đề nghị:

- Xử lý các sự cố trên đê biển do bão gây ra, kinh phí: 35 tỷ đồng
- Xây dựng hệ thống mở giảm sóng tại Cồn Tròn- Hải Hòa: 100 tỷ đồng
- Xây dựng hệ thống mở giảm sóng tại Hải Thịnh III, kinh phí: 100 tỷ đồng
- Nâng cấp đê kè Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng, kinh phí: 30 tỷ đồng
- Tu sửa mái kè biển bị bào mòn hư hỏng cục bộ: Kinh phí 30 tỷ đồng

1.2 Đê sông : Tổng kinh phí xử lý: 846,5 tỷ đồng; Trong đó đề nghị :

- Xử lý ngay: dự kiến 56 tỷ gồm để sửa chữa khôi phục các hư hỏng:

+ Trên tuyến đê Hữu Ninh và đê Thanh Hương đê biển huyện Nghĩa Hưng

+ Trên tuyến đê tả Đáy – huyện Nghĩa Hưng

+ Trên tuyến đê tả Đáy – huyện Ý Yên .

+ Sạt lở mái đê phía sông đoạn K7+150 đến K7+ 190 dài 40m và đoạn K14+500 đến K16+00 dài 1500m, đê Hữu Đào huyện Vụ Bản

+ Sạt lở mái phía đê Phú Văn, K39+00- K39+500 đê tả Ninh Hải Hậu

- Đầu tư các dự án đang triển khai: 5 dự án, kinh phí 142 tỷ đồng

- Đầu tư năm 2018: các hư hỏng nguy hiểm, 9 dự án: Kinh phí 90,5 tỷ đồng

- Năm 2018 và các năm tiếp theo: 558 tỷ đồng tập trung vào hoàn thiện mặt cắt gia cố mặt đê bê tông và các kè xung yếu

+ Tu bổ nâng cấp tuyến đê tả hữu sông Ninh Cơ các huyện Trực Ninh, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, kinh phí: 245 tỷ đồng.

+ Mở rộng mặt cắt tả Đáy Ý Yên: 70 tỷ đồng.

+ Nâng cấp đê tả Đáy huyện Nghĩa Hưng: 83 tỷ đồng

+ Kè Tam phủ Ngô xá, Giao Hương, Quy phú :160 tỷ đồng

1.3 Đầu tư nâng cấp công trình quản lý : điểm canh đê, cột thủy chí, mốc chỉ giới bảo vệ đê, đường hành lang chân đê , kinh phí: 50 tỷ đồng

1.4 Đầu tư xây mới một số công xung yếu: 200 tỷ đồng

2. Bổ sung trang thiết bị, bồi dưỡng nghiệp vụ: Tăng cường thiết bị và nâng cao năng lực của lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn; xây dựng các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; bổ sung trang thiết bị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo của Đài dự báo khí tượng thủy văn Nam Định.

3. Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu phối hợp, giúp địa phương sớm có giải pháp ứng phó, hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu đến một số ngành và lĩnh vực chủ yếu của tỉnh Nam Định, nhất là sản xuất lúa và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và ảnh hưởng đến an toàn của đê biển.

4. Về thủ tục xây dựng cơ bản đáp ứng và yêu cầu phòng chống thiên tai

- Công tác xử lý cấp bách các sự cố đê điều theo Nghị định 59 yêu cầu phải có lệnh khẩn cấp do đó một số công trình bị hư hỏng do bão số 10 không thể triển khai ngay để chống bão số 11, gây ra tình huống rất nguy hiểm cho đê kè tỉnh Nam Định năm 2017.

- Tuyến đê biển nếu chống được bão cấp 10 triệu trung bình tần suất 5% theo tiêu chuẩn thiết kế đê có tính đến biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đê biển Nam Định thiếu cao trình xấp xỉ 1,5m; Nhiều đoạn nguy hiểm chưa có kè mỏ bảo vệ, đê biển tuyến 2 để đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai.

- Chưa có quy hoạch và phân cấp đê biển thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và bão mạnh, siêu bão thường xuyên xảy ra gần đây.

Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Nam Định trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT;
- UBND tỉnh Nam Định;
- Lưu: CP.



Bùi Sỹ Sơn

Phụ lục 1.

TỔNG HỢP THIẾT HẠI DO THIÊN TAI ÂY RA NĂM 2017 - TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-BCHPCTT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Nam Định)

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Thiên tai do bão số 2, số 4		Thiên tai do bão số 10		Thiên tai do ATNĐ, mưa lũ, bão số 11		Gió mạnh trên biển, kết hợp triều cường		Tổng thiệt hại	
			Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)
A	C	I	2	3	4	6	7	8	9	10	11	5
1	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI				11	250	-	-		-	11	250
1.1	Số người bị thương	người	-	-	11	250	-	-	-	-	11	250
	Trẻ em	người					-	-			-	-
	Nữ giới	người					-	-			-	-
	Người khuyết tật	người					-	-			-	-
	Đối tượng khác	người			11	250	-	-			11	250
1.2	Số hộ bị ảnh hưởng	hộ					-	-			-	-
1.3	Số người bị ảnh hưởng	người					-	-			-	-
2	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng	-	-	166	8.803	2.317	3.996			2.483	12.799
2.1	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	-	-	14	735	20	500	-	-	34	1.235
	Nhà kiên cố	cái			1	150	20	500			21	650
	Nhà bán kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà thiếu kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà đơn sơ	cái			13	585	-	-			13	585
2.2	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	cái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Nhà kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà bán kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà thiếu kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà đơn sơ	cái					-	-			-	-
2.3	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)	cái	-	-	31	868	-	-	-	-	31	868
	Nhà kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà bán kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà thiếu kiên cố	cái			31	868	-	-			31	868
	Nhà đơn sơ	cái					-	-			-	-
2.4	Thiệt hại một phần (dưới 30%)		-	-	-	-	3	-	-	-	3	-

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Thiên tai do bão số 2, số 4		Thiên tai do bão số 10		Thiên tai do ATNĐ, mưa lũ, bão số 11		Gió mạnh trên biển, kết hợp triều cường		Tổng thiệt hại	
			Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)
	Nhà kiên cố	cái					3	-			3	-
	Nhà bán kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà thiếu kiên cố	cái					-	-			-	-
	Nhà đơn sơ	cái					-	-			-	-
2.5	Nhà bị ngập nước	lượt	-	-	120	7.000	1.966	1.132	-	-	2.086	8.132
	Bị ngập dưới 1m	lượt					1.766	532			1.766	532
	Bị ngập nước (1-3)m	lượt			120	7.000	200	600			320	7.600
	Bị ngập nước trên 3m	lượt					-	-			-	-
2.6	Nhà phải di dời khẩn cấp	cái					328	164			328	164
2.7	Các thiệt hại về nhà ở khác (*)	triệu đồng			1	200	-	2.200			1	2.400
3	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DI ÊM	triệu đ	17.160	24.527	6.248	98.798	32.642	701.564	-	-	56.050	824.889
3.1	Diện tích lúa	ha	17.160	24.527	5.252	54.183	29.265	694.235	-	-	51.677	772.945
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	7.367,0	14.734,0	127	5.004	11.270	381.305			18.764	401.043
	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	5.540,0	5.540,0	25	379	9.009	186.876			14.574	192.794
	Thiệt hại nặng từ 30% - 50%	ha	4.253,0	4.253,0	1.800	29.000	8.986	126.055			15.039	159.308
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			3.300	19.800	-	-			3.300	19.800
3.2	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	-	-	991	44.115	3.377	7.329	-	-	4.368	51.444
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			533	31.490	2.687	6.449			3.220	37.939
	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha			203	8.480	454	654			657	9.134
	Thiệt hại nặng từ 30% - 50%	ha			80	2.560	236	227			316	2.787
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			175	1.585	-	-			175	1.585
3.3	Muối bị hư hỏng	tấn					-	-			-	-
3.4	Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác	triệu đồng			5	500	-	-			5	500
4	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đ	-	-	1.155	653	3.004	778	-	-	4.159	1.431
	Gia súc	con			170	34	434	521			604	555
	Gia cầm	con			980	519	2.570	257			3.550	776
	Thiệt hại khác (chuồng trại,...)	triệu đồng			5	100	-	-			5	100
5	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đ	6.380	150.000	19.484	41.305	9.148	93.190	200	-	35.212	284.495
5.1	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt		2.050	-	3.289	27.790	2.135	24.930	200	-	7.674	52.720
	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m	2.050		3.289	27.790	955	23.750	200		6.494	51.540

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Thiên tai do bão số 2, số 4		Thiên tai do bão số 10		Thiên tai do ATNĐ, mưa lũ, bão số 11		Gió mạnh trên biển, kết hợp triều cường		Tổng thiệt hại	
			Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)
	Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò	cái					30	30			30	30
	Diện tích thấm lậu	m ²					1.150	1.150			1.150	1.150
5.2	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bồi, bờ bao		1.500	20.000	11.436	7.291	6.588	7.683	-	-	19.524	34.973
	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m	1.500	20.000	11.436	7.291	2.063	5.168			14.999	32.458
	Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò	cái					910	150			910	150
	Diện tích thấm lậu	m ²					1.115	1.115			1.115	1.115
	Chiều dài tuyến bị tràn	m					2.500	1.250			2.500	1.250
5.3	Kè		2.830	112.000	4.759	6.224	80	60.150	-	-	7.669	178.374
	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	2.830	112.000	777	5.508	30	150			3.637	117.658
	Diện tích bong xô	m ²					50	60.000			50	60.000
	Khối lượng đất	m ³			200		-	-			200	-
	Khối lượng gạch lát bị mất	m ²			3.782	716	-	-			3.782	716
5.4	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng		-	-	-	-	345	338	-	-	345	338
	Chiều dài	m					225	338			225	338
	Khối lượng đất	m ³					120	-			120	-
	Khối lượng đá, bê tông	m ³					-	-			-	-
5.5	Cống		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cống, bọng bị hư hỏng	cái					-	-			-	-
	Bọng bị trôi	cái					-	-			-	-
	Cống bị trôi	cái					-	-			-	-
5.6	Bờ biển, bờ sông bị sạt lở		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chiều dài sạt lở	m					-	-			-	-
	Diện tích bị mất	m ²					-	-			-	-
5.7	Các thiệt hại về thủy lợi khác (*)	triệu đồng		18.000			-	90			-	18.090
6	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đ			700	500	-	150			700	650
7	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	ha	-	-	5.137	608.169	6.397	227.145	-	-	11.534	835.314
7.1	Diện tích nuôi cá truyền thống		-	-	594	115.552	4.034	119.105	-	-	4.628	234.657
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			594	115.552	983	49.150			1.577	164.702
	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha					773	27.055			773	27.055
	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha					873	21.825			873	21.825

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Thiên tai do bão số 2, số 4		Thiên tai do bão số 10		Thiên tai do ATNĐ, mưa lũ, bão số 11		Gió mạnh trên biển, kết hợp triều cường		Tổng thiệt hại	
			Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)	Số lượng	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha					1.405	21.075			1.405	21.075
7.2	Diện tích nuôi cá da trơn	ha	-	-	707	149.100	797	24.450	-	-	1.504	173.550
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			707	149.100	-	-			707	149.100
	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha					-	-			-	-
	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha					27	1.350			27	1.350
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha					770	23.100			770	23.100
7.3	Diện tích nuôi tôm thâm canh, quảng canh	ha	-	-	1.791	118.214	531	44.800	-	-	2.322	163.014
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			1.739	111.800	140	21.000			1.879	132.800
	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			52	6.414	221	22.100			273	28.514
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha					170	1.700			170	1.700
7.4	Diện tích nuôi ngao	ha	-	-	1.886	221.040	252	5.040	-	-	2.138	226.080
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			126	144.940	-	-			126	144.940
	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha			60	21.600	-	-			60	21.600
	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			30	7.200	-	-			30	7.200
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha			1.670	47.300	252	5.040			1.922	52.340
7.5	Phương tiện khai thác thủy, hải sản	chiếc	-	-	160	3.513	150	150	-	-	310	3.663
	Công suất <20CV	chiếc	-	-	160		150	150			310	150
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	chiếc			17	595	-	-			17	595
	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	chiếc			138	2.898	-	-			138	2.898
	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	chiếc			5	20	-	-			5	20
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	chiếc					150	150			150	150
7.6	Các thiệt hại về thủy sản khác (*)	triệu đồng				750	633	33.600			633	34.350
8.0	THIỆT HẠI VỀ NGÀNH ĐIỆN		-	-	227	1.288	47	235	-	-	274	1.523
8.1	Cột điện hạ thế bị gãy đổ	chiếc			25	138	10	50			35	188
8.2	Đường dây hạ thế bị đứt	km			2	50	2	150			4	200
8.3	Công tơ điện bị cháy	chiếc			200	300	35	35			235	335
8.4	Hệ thống điện chiếu sáng	triệu đồng				800	-	-			-	800
9	Thiệt hại khác	triệu đ				8.500	-	-			-	8.500
	Cộng			174.527		768.265		1.027.058	200	-		1.969.850

Phụ lục 2.

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-BCH ngày 29/11/2017 của Ban chỉ huy PCTT-TKCN Nam Định)

TT	Mã	Chỉ tiêu thiệt hại	Đơn vị	Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI		11,00	250
1.1	NG01	Số người chết	người		x
1.2	NG02	Số người mất tích	người		x
1.3	NG03	Số người bị thương	người	11,00	x
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng	x	2.688
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (> 70%)	cái	34,00	1.235
2.2	NH02	Hư hỏng khác (≤ 70%)	cái	47,00	1.453
3	NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP	triệu đồng	x	772.945
6.1	NLN01	Diện tích lúa mất trắng (> 70%)	ha	18.764,00	401.043
6.2	NLN02	Diện tích lúa bị ảnh hưởng (≤ 70%)	ha	32.913,00	371.902
6.3	NLN091	Diện tích rừng bị ảnh hưởng	ha		
6.4	NLN15	Diện tích ruộng muối bị hư hỏng	ha		
4	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng	x	1.331
7.1	CHN	Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	4.154,00	1.331
5	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng	x	201.656
8.1	TL01	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị sạt, vỡ	m	6.494,00	51.540
8.2	TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bồi, bờ bao bị sạt, vỡ	m	14.999,00	32.458
8.3	TL03	Kè bị sạt lở	m	3.637,00	117.658
8.4	TL04	Cống, bông bị hư hỏng, cuốn trôi	cái		
8.6	TL06	Số trạm bơm bị hư hỏng	cái		
6	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng	x	650
9.1	GT01	Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)			650
9.1.1	GT011	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	700,00	x
9.1.4	GT014	Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m3		
9.1.5	GT015	Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
9.2	GT02	Đường giao thông địa phương			
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m		x
9.2.4	GT024	Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại	m3		
9.2.5	GT025	Cầu, cống bị hư hỏng	cái		
7	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng	x	800.964
10.1	TS01	Diện tích nuôi ao, hồ bị thiệt hại	ha	10.590,75	797.301
10.2	TS02	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại bị thiệt hại	100m3/lồng		
10.3	TS03	Phương tiện khai thác thủy, hải sản bị chìm, vỡ, trôi	chiếc	310,00	3.663
10.4	TS04	Công trình tránh trú bão bị hư hỏng	công trình		
8	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng	x	-
11.1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái		
11.2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái		
11.3	TT03	Nhà trạm bị hư hỏng	cái		

TT	Mã	Chỉ tiêu thiệt hại	Đơn vị	Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
9	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng	x	188
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	35,00	188
12.2	CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái		
12.3	CN06	Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp bị hư hỏng	cái		
10	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng	x	
15.1	CT01	Trụ sở cơ quan bị hư hỏng	cái		
15.2	CT02	Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng	cái		
15.3	CT03	Nhà kho, phân xưởng bị hư hỏng	cái/m2		
15.4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng	công trình		
11		CÁC LOẠI THIẾT HẠI KHÁC (*)			189.179
		TỔNG	triệu đồng		1.969.850

Phụ lục 3.

DANG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ KHẨN CẤP TỈNH NAM ĐỊNH
 Kèm theo báo cáo số/ *43/BC-SNN* ngày *29/11/2017* của Ban chỉ huy PCTT-TKCN Nam Định

TT	Hạng mục	Huyện	Vị trí	Chiều dài (m)	Giải pháp	Kinh phí (Triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng Cộng					1.395.000	
I	Các dự án đang triển khai					142.000	
a/	Tuyến đê hữu Hồng:					110.000	
1	Kè Hồng Hà:	Mỹ Lộc	K160+500÷K161+320	900	Hộ bờ lát mái	15.000	Đang triển khai
2	Kè Mặt Lãng:	Trực Ninh	K183+020 -K183+640	700	Hộ bờ lát mái	15.000	Đang triển khai
3	Kè Quy Phú	Nam Trực	K178+000-:-K180+050	2.050	Hộ bờ lát mái	80.000	Đang triển khai
b)	Tuyến đê hữu Ninh					12.000	
1	Kè Trực Thanh	Trực Ninh	K16+150÷K16+650	500	Hộ bờ lát mái	12.000	Đang triển khai
c)	Tuyến đê Nam Quân liêu					20.000	
1	Kè Nam Quân liêu	Nghĩa Hưng		1.300	Hộ bờ lát mái	20.000	Đang triển khai
II	Các dự án cần triển khai ngay					72.000	
a)	Tuyến đê hữu Đào:					6.000	
1	Sạt lở đê	Vụ Bản	K14+500-K16+00	1.500	Đắp cơ thượng lưu	6.000	
b)	Tuyến đê hữu Ninh					20.000	
1	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	K26+680 - K29+00	2.400	Làm tường kè	15.000	
2	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	K29-K40	11.000	Đắp con trạch	5.000	
c)	Tuyến đê tả Ninh					13.000	
1	Kè Phú Văn	Hải Hậu	K39+000-K39+500	500	Hộ bờ lát mái	13.000	
c)	Tuyến đê tả Đáy Ý Yên:					18.000	
1	Nâng cấp đê	Ý Yên	K150+450 đến K152+250	1.800	Mở rộng mặt cắt thêm B=2m về phía sông hoặc phía đồng chống rò rỉ thấm lậu	18.000	
2	Nâng cấp đê	Ý Yên	K147+500 đến K148+600	1100			
3	Nâng cấp đê	Ý Yên	K146+500 đến K147+080	580			
4	Nâng cấp đê	Ý Yên	K143+000 đến K144+100	1100			
5	Nâng cấp đê	Ý Yên	K138+300 đến K138+650	350			
6	Nâng cấp đê	Ý Yên	K139+200 đến K139+900	700			
d)	Tuyến đê tả Đáy Nghĩa Hưng					15.000	
1	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	K199+500 đến K201+500	2.000	Mở rộng mặt cắt	7.500	
2	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	K191+500 đến K193+500	2000	Mở rộng mặt cắt	7.500	
III	Triển khai trong năm 2018					74.500	
a)	Tuyến đê hữu Đào:					39.000	

1	Kè Trại Nội:	Vụ Bản	K8+500-:-K9+000	500	Hộ bờ lát mái	15.000	
2	Kè Quán khơi	Ý Yên	K18+170-K18+420	250	Hộ bờ lát mái	7.000	
3	Kè An Quang:	Ý Yên		500	Hộ bờ lát mái	15.000	
4	Đê Hữu Hồng	Xuân trường	K195+500-:-K196+500	2.000	Khoan phụt vữa	2.000	
b)	Tuyến đê hữu Ninh					19.000	
1	Kè Trục Bình	Trục Ninh	K10+760-:-K10+860	100	Hộ bờ lát mái	3.000	
2	Kè Lộ Xuyên	Trục Ninh	K3+050-:- K3+365	200	Hộ bờ lát mái	5.000	
3	Kè Phụng Tường	Trục Ninh	K6+067-:- K6+347	280	Hộ bờ lát mái	5.000	
4	Kè Đồ Mười	Nghĩa Hưng	K31+100 ÷ K31+450	350	Hộ bờ lát mái	6.000	
c)	Tuyến đê tả Ninh					16.500	
1	Kè Trục Đại	Trục Ninh	K21+400 -:- K21 +800	400	Hộ bờ lát mái	15.000	
2	Kè Lạc Quần	Xuân trường	K8+850 -:- K9+150	300	Hộ bờ lát mái	1.500	
IV	Năm 2018 và các năm tiếp theo					558.000	
	Tuyến đê tả Đáy Ý Yên:					70.000	
1	Đoạn còn lại	Ý Yên		20.000	Mở rộng mặt cắt	60.000	
2	Kè Quỹ độ	Ý Yên	K147+900 đến K148+400	500	Hộ bờ lát mái	10.000	
	Tuyến đê tả, hữu Ninh					245.000	-
1	Nâng cấp đê	3 huyện	K10+763-K43+212	33.000	Hoàn thiện, gia cố mặt đê BT	165.000	
2	Nâng cấp đê	Trục Ninh	K0 đến K26+680	26.800	Hoàn thiện, gia cố mặt đê BT	80.000	
	Tuyến đê tả Đáy Nghĩa Hưng					83.000	
1	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	Đoạn còn lại	10.422	Mở rộng mặt cắt	33.000	
2	Nâng cấp đê	Nghĩa Hưng	Đoạn còn lại	14422	Gia cố đê bằng bê tông	50.000	
	Các dự án kè					160.000	
4	Kè Ống Bò - Ngô Xá	Thành Phố ND	K165 -:- K167	1.500	Hộ bờ lát mái	50.000	
6	Kè Giao Hương	Giao Thủy	K218+700-:-K219+900	1.200	Hộ bờ lát mái	30.000	
3	Kè Quy Phú	Nam Trục	K178+000-:-K180+050	2.050	Hộ bờ lát mái	80.000	
V	Tuyến đê Biển					298.500	
1	Khôi phục sau bão	Hải Hậu			Tu sửa mái trong đê	30.000	
		Hải Hậu	Hải Hậu, Giao Thủy		Tu sửa mái ngoài đê	5.000	
2	Kè Giao Hương Giao Thiện	Giao thủy	K2+100-K2+200	100	Đắp sạt làm kè lát mái	3.500	
			K3+250 đến K4+050	800			
3	Kè Mỏ Cồn tròn	Hải Hậu	K20-K21+600	1600	Làm kè mỏ, Cơ giảm sóng	100.000	
4	Kè Hải Thịnh 3	Hải Hậu	K25+500-K27	1500		100.000	
5	Đê kè Nghĩa Thắng		K6+700-K8+500	1800	Nâng cấp đê	30.000	
6	Tu sửa mái kè biển				Thay thế, đổ phủ bê tông	30.000	
V	Xây mới các cống xung yếu			20		200.000	
VI	Các công trình phụ trợ					50.000	